

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CÂY TRỒNG
(Từ ngày 23 tháng 5 đến ngày 29 tháng 5 năm 2024)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Tình hình thời tiết trên địa bàn huyện có thay đổi nhẹ, đầu kỳ ngày nắng, chiều tối trời nhiều mây có mưa giông rải rác; cuối kỳ ngày nắng gián đoạn, có mưa vừa đến mưa to cục bộ, kèm theo lốc và gió mạnh, thuận lợi cho một số sinh vật hại cây trồng phát sinh phát triển.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa

Vụ	Trà lúa	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo cấy (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Vụ Hè Thu năm 2024	Chính vụ	Mạ	711	0
		Đẻ nhánh	1.390	
		Làm đòng - đòng	555	
		Đòng già – trổ bông	110	
		Ngậm sữa - chắc xanh	10	
		Chín	35	
Tổng			2.811	0

Ghi chú: Diện tích gieo cấy là diện tích thực tế còn lại trên đồng ruộng, diện tích thu hoạch là diện tích đã thu hoạch được cộng dồn từ khi gieo cấy của vụ.

b) Cây trồng khác

Loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
Cây dâu tằm	Các giai đoạn	150,4
Cây điều	Các giai đoạn	5.325

Cây sầu riêng	Các giai đoạn	882,14
---------------	---------------	--------

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SVGH CHỦ YẾU VÀ THIÊN DỊCH

1. Số liệu điều tra phát dục của SVGH cây lúa

Tên SVGH	Cây trồng và GĐST	Mật độ sâu, chỉ số bệnh		Tuổi, pha phát dục sâu/cấp bệnh								Tổng
				1	2	3	4	5	6	N	TT	
		TB	Cao	0	1	3	5	7	9			
Rầy nâu	Cây lúa (Đẻ nhánh)	43	160	1	2	1						4
Rầy nâu	Cây lúa (Làm đồng - đồng)	32	200		2	1	1					4
Rầy nâu	Cây lúa (Đồng già – trổ bông)	30	180			2						2

Ghi chú: Dòng có dãy số trên là tuổi sâu, N: Nhộng, TT: Trưởng thành; dòng dưới là cấp bệnh.

2. Số liệu theo dõi côn trùng vào trạm giám sát côn trùng thông minh

STT	Tên côn trùng	Thời gian							Tổng cộng (con)	TB/đêm (con)
		21/5/2024	22/5/2024	23/5/2024	24/5/2024	25/5/2024	26/5/2024	27/5/2024		
1	Rầy nâu	3	-	-	-	-	-	-	3	0,4
2	Rầy lưng trắng	-	1	1	3	3	2	-	10	1,4
3	Rầy xanh đuôi đen	1	1	1	2	5	2	1	13	1,9
4	Rầy zigzag	6	7	6	11	12	8	9	59	8,4
5	Sâu nân	-	1	-	-	-	-	-	1	0,1
6	Bọ xít mù xanh	42	81	55	114	124	57	19	492	70,3
7	Kiến ba khoang	11	18	18	52	96	101	24	320	45,7
8	Bọ cánh cứng ba khoang	-	3	7	6	12	19	14	61	8,7
9	Bọ cánh cứng Berosus sp.	24	13	26	13	18	33	8	135	19,3
10	Ong	-	2	-	-	-	-	-	2	0,3
11	Chuồn chuồn	-	-	-	-	-	1	2	3	0,4
12	Bướm đêm Parapoynx stagnalis	-	1	-	-	2	1	1	5	0,7
13	Bọ xít đen	85	24	14	2	9	-	6	140	20,0
14	Bọ hỏ	1	-	1	-	1	1	1	5	0,7
15	Dế nhũi	1	1	1	-	1	-	3	7	1,0
16	Rầy Aster leaf hopper	-	-	1	-	-	2	-	3	0,4
17	Bọ xít lửa	-	1	-	-	-	-	-	1	0,1
18	Kiến cánh	3	10	3	1	2	1	1	21	3,0
19	Muỗi nước xanh	-	4	-	2	7	11	1	25	3,6
20	Ruồi hạc	-	-	-	-	3	1	1	5	0,7
21	Mối cánh	0	0	16	13	0	0	0	29	4,1
22	Bọ đuôi kim	4	3	1	0	2	1	0	11	1,6
23	Muỗi nước xám	0	1	2	0	5	1	3	12	1,7
24	Bướm sâu cuốn lá lớn	0	0	1	0	0	0	0	1	0,1

III. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ SVGH chủ yếu

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố chủ yếu
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Cây lúa – Giai đoạn mạ					
1	Rầy nâu	5	50		TT	TT CT, TT PC
II	Cây lúa – Giai đoạn đẻ nhánh					
1	Rầy nâu	40	160		1, 2	QN, TT CT
2	Bệnh vàng lá do ngộ độc phèn	6	8	10-18	1, 3, 5	QN, GV, TH, NN TT CT
3	Bệnh đạo ôn lá	2,5	3,5		1, 3	TT CT
III	Cây lúa – Giai đoạn làm đòng - đòng					
1	Rầy nâu	90	200		2, 3	QN, GV, TT CT
IV	Cây lúa – Giai đoạn đòng già –trở bông					
1	Rầy nâu	120	180		2, 3	TT PC, GV
V	Cây lúa – Giai đoạn ngậm sữa – chắc xanh					
1	Rầy nâu	60	110		3	TT PC
VI	Cây lúa – Giai đoạn chín					
1	Rầy nâu	30	80		5	TT PC
VII	Cây điều – Các giai đoạn					
1	Bọ xít muỗi	2,5	3,6	5,4-7,8	2	TT.PC, GV, TH, QN, NN
2	Bệnh thán thư	3,1	4	5,4-8,2	1, 3	TTPC, GV, TH, QN, NN
VIII	Cây dâu tằm – Các giai đoạn					

1	Ve sầu nhảy	3	5		TT	TT. CT, QN
2	Bệnh gỉ sắt	6	8		1, 3	TT. CT, QN
IV Cây sầu riêng – Các giai đoạn						
1	Bệnh nứt thân, xì mủ (Bệnh chảy gôm)	2	4	5-10	1, 3	ĐP, NN, QN, GV, TH
2	Bệnh thối rễ	1,5	1,8	2,6-3,8		NN, QN
3	Bệnh cháy lá chết ngọn	2	4		1, 3	ĐP

2. Diện tích nhiễm SVGH chủ yếu

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	DT phòng trừ (ha)	Phân bố chủ yếu
		Nhẹ	TB	Nặng	MT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I Cây lúa – Đẻ nhánh								
1	Ngộ độc phèn	16				16	15	NN, GV, QN
II Cây điều – Các giai đoạn								
1	Bọ xít muỗi	316				316	150	TT.PC, GV, TH, NN, QN
2	Bệnh thán thư	405				405	140	TTPC, GV, TH, NN, QN
III Cây sầu riêng – Các giai đoạn								
1	Bệnh nứt thân, xì mủ (Bệnh chảy gôm)	38				38	30	ĐP, NN, QN, GV, TH
2	Bệnh thối rễ	2				2	1	NN, QN

3. Nhận xét tình hình SVGH trong kỳ

a) Cây lúa

Cây lúa vụ Hè Thu năm 2024 đã gieo sạ 2.811/3.675 ha, đạt 76,5% kế hoạch, chủ yếu trong giai đoạn đẻ nhánh - làm đòng, sinh trưởng phát triển bình thường. Rầy nâu ít biến động, chủ yếu ở mức độ dưới nhẹ với mật độ (5-200con/m²) rải rác tại các xã, thị trấn. Bệnh vàng lá do ngộ độc phèn ít biến động, chủ yếu ở mức độ dưới nhẹ với tỷ lệ (4-8%), ngoài ra hại nhẹ 16 ha với tỷ lệ (10-18%) tại các xã Gia Viễn, Tiên Hoàng, Quảng Ngải, Nam Ninh và thị trấn Cát Tiên. Chuột ít biến động,

chủ yếu ở mức độ dưới nhẹ rải rác với tỷ lệ (1-1,5%), ngoài ra hại nhẹ cục bộ 0,3 ha với tỷ lệ (5,1-6,2%) tại thị trấn Cát Tiên. Bệnh đạo ôn lá ít biến động, chủ yếu ở mức độ dưới nhẹ với tỷ lệ (2-3,5%) tại thị trấn Cát Tiên.

b) Cây dâu tằm

Cây dâu tằm sinh trưởng phát triển tốt. Ve sầu nhảy ít biến động ở mức độ dưới nhẹ với tỷ lệ (3-5%); bệnh gỉ sắt ít biến động ở mức độ dưới nhẹ rải rác với tỷ lệ (6-8%) tại xã Quảng Ngãi và thị trấn Cát Tiên.

c) Trên cây điều

Cây điều sinh trưởng phát triển bình thường, nông dân đang tập trung chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh. Bọ xít muỗi và bệnh thán thư giảm nhẹ, chủ yếu ở mức độ dưới nhẹ. Ngoài ra bọ xít muỗi hại nhẹ 316 ha với tỷ lệ (5,4-7,8%) rải rác tại các xã Tiên Hoàng, Gia Viễn, Quảng Ngãi, Nam Ninh và thị trấn Phước Cát, giảm 32 ha so với kỳ trước; Bệnh thán thư hại nhẹ 405 ha với tỷ lệ từ (5,4-8,2%) chủ yếu tại các xã Gia Viễn, Tiên Hoàng, Nam Ninh, Quảng Ngãi và thị trấn Phước Cát, giảm 59 ha so với kỳ trước.

d) Cây sầu riêng

Cây sầu riêng chủ yếu trong giai đoạn phát triển trái và thu hoạch, sinh trưởng phát triển bình thường, nông dân tập trung chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh. Bệnh nứt thân xì mũ giảm nhẹ, hại nhẹ 38 ha với tỷ lệ (5-10%) rải rác tại các xã Nam Ninh, Đức Phổ, Quảng Ngãi, Gia Viễn và Tiên Hoàng, giảm 5 ha so với kỳ trước. Bệnh thối rễ ít biến động, hại nhẹ cục bộ khoảng 2 ha với tỷ lệ (2,6-3,8%) tại xã Nam Ninh và Quảng Ngãi. Bệnh cháy lá chết ngọn ít biến động ở mức độ dưới nhẹ với tỷ lệ (2-4%) tại xã Đức Phổ.

IV. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo tình hình thời tiết và SVGH chủ yếu trong kỳ tới

Dự báo trong 7 ngày tới, tình hình thời tiết đang vào thời gian giao mùa, ngày nắng gián đoạn, trời nhiều mây có xuất hiện mưa dông, lốc, sét và gió.

Trên cây lúa: Rầy nâu và bệnh đạo ôn lá ít biến động, bệnh vàng lá do ngộ độc phèn giảm nhẹ, sâu cuốn lá xuất hiện.

Trên cây điều: Bệnh thán thư và bọ xít muỗi có khả năng giảm nhẹ.

Trên cây dâu tằm: Ve sầu nhảy và bệnh gỉ sắt ít biến động, bệnh đốm lá và sâu ăn lá có khả năng xuất hiện.

Trên cây sầu riêng: Bệnh nứt thân xì mũ có khả năng tăng, bệnh cháy lá chết ngọn giảm, bệnh thối rễ ít biến động.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

- Trên cây lúa: Tăng cường chăm sóc, bón phân cân đối NPK phù hợp với từng giai đoạn sinh trưởng của cây lúa; chú trọng sử dụng các loại phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh, phân hữu cơ đầu trâu,.... giúp tăng khả năng đề kháng của cây lúa đối với sâu bệnh hại; thường xuyên thăm đồng, phát hiện và phòng trừ sâu bệnh ngay từ khi mới xuất hiện.

+ Sử dụng luân phiên các loại thuốc như: New karide 2 SC, Anvil® 5 SC, Bump gold 80WP, Bump 650WP, Filia® 525 SE,... để phòng trừ bệnh đạo ôn hại lúa.

- Trên cây điều: Vệ sinh vườn đồi sau thu hoạch, tỉa bỏ chồi bị bệnh đem đi tiêu hủy và tập trung phun thuốc phòng trừ bảo vệ chồi, lá non đặc biệt là bọ xít muỗi và bệnh thán thư.

+ Đối với bệnh thán thư sử dụng luân phiên các loại thuốc như: Norshield86.2WG, Nativo750WG, Tungvil 5SC, convil 10 EC, New kasuran 16.6 WP,... để phòng trừ.

+ Đối với bọ xít muỗi sử dụng luân phiên các loại thuốc như: Cyperan 5 EC, Tungrin 25EC, Crymerin 100EC, Permecide 50 EC, Plutel 3.6EC,... để phòng trừ.

- Trên cây dâu tằm: Cần khơi mương, rãnh trong vườn không để đọng nước hay úng cục bộ trong vườn dâu, vệ sinh vườn thông thoáng, bón phân cân đối NPK, phòng trừ sâu bệnh kịp thời và hái lá đúng tuổi để nuôi tằm đảm bảo thời gian cách ly.

- Trên cây sầu riêng: Cần bón phân đầy đủ, cân đối phù hợp với từng giai đoạn phát triển của cây; đặc biệt hiện nay đã vào đầu mùa mưa, bà con cần khai thông mương rãnh tránh hiện tượng ngập úng trong vườn.

+ Đối với bệnh nứt thân xì mủ: Sử dụng luân phiên các loại thuốc như Biobus 1.00 WP, Phytofos 600 SL, Insuran 50 WG, Agofast 80 WP, Alimet 80WP, Acrobat MZ 90/600WP phun ướt đều quanh thân, lá, nách cành từ 1-2 lần cách nhau 5-7 ngày và tưới gốc để xử lý nguồn nấm bệnh theo liều lượng khuyến cáo ghi trên bao bì.

+ Đối với bệnh thối quả, sử dụng một trong các loại thuốc như Asana 2 SL hoặc Dofezeb 800 WP, Aliette 800 WG... phòng trừ sớm ngay khi bệnh chớm xuất hiện rải rác trong vườn.

Đề nghị UBND các xã, thị trấn phối hợp khuyến cáo trên các kênh thông tin và chỉ đạo nhân dân chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng. Khuyến nông viên theo dõi và hướng dẫn nông dân phòng trừ kịp thời./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Cát Tiên;
- Chi cục TT- BVTV Lâm Đồng;
- Phòng NN & PTNT huyện;
- Hội Nông dân huyện;
- TTVH-TT và Thể thao huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các Phó Giám đốc, viên chức;
- Lưu: VT, tổ TT-BVTV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Bá Bình

